

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2018/DS-PT

Ngày 16 - 5 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2018/QĐPT ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị P, sinh năm 1975; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị T, sinh năm 1959; có mặt

Cùng trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1980; vắng mặt;

Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1982; vắng mặt;

Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1983; vắng mặt;

Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1993; vắng mặt.

Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1995; vắng mặt.

Chị Hoàng Thị D1, sinh năm 1997; có mặt.

Chị Hoàng Thị B1, sinh năm 2000; vắng mặt.

Ông Hoàng Văn C2, sinh năm 1961; có mặt.

Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1963; có mặt.

Các đương sự đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo*: Bà Nông Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lưu Thị P tranh chấp với bà Nông Thị T quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.470m² thuộc các thửa đất số 323, thửa số 324, thửa số 307, thửa số 325, thửa số 326 và thửa số 336, tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã T huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đo vẽ năm 2012, tại địa danh Đ, thuộc thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất tranh chấp không có tài sản gì, các thửa đất ruộng đang được san ủi để dồn thửa. Các thửa đất có ranh giới và kích thước các cạnh như sau:

- Phía Đông có các cạnh tính từ điểm A đến điểm C có chiều dài cạnh là 23,53m + 6,35m + 33,12m, giáp đất ông Hoàng Văn C1 và ông Hoàng Văn C2.

- Phía Nam có các cạnh tính từ điểm C đến điểm E có chiều dài cạnh là 4,4m + 6,26m + 4,16m + 6,7m + 9,24m, giáp đất ông Hoàng Văn T2.

- Phía Tây có các cạnh tính từ điểm E đến điểm H có chiều dài cạnh là 11,21m + 42,76m, giáp bờ ruộng.

- Phía Bắc có các cạnh tính từ điểm H đến điểm A có chiều dài cạnh là 3,67m + 6,0m + 7,1m + 8,07m + 12,97m, giáp đất ông Trịnh Văn C4 và ông Nguyễn Văn P1.

Năm 1996 ông Hoàng Văn I chồng bà Lưu Thị P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ruộng Đ. Sau khi ông I chết, năm 2014 Nhà nước cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị P.

Về quá trình sử dụng đất, bà Lưu Thị P cho rằng: Bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Văn M và bà Hoàng Thị E quản lý, sử dụng đất các thửa ruộng Đ đang tranh chấp từ năm 1959, sau đó bố mẹ chồng bà P đã chia cho con trai là Hoàng Văn I từ năm 1989, sau khi kết hôn với ông I năm 1991 vợ chồng bà P, ông I quản lý, sử dụng liên tục đến năm 1996 ông I chết, bà Lưu Thị P được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất ruộng Đ.

Đến ngày 01/4/2017 bà P tiến hành san ủi 06 thửa ruộng tại Đ để dồn lại làm 01 thửa lớn, ngày 02/4/2017 khi đang san ủi thì bà Nông Thị T đến ngăn cản. Sự việc tranh chấp đất đai giữa bà P và bà Nông Thị T đã được UBND xã T hòa giải nhưng không thành. Nay, bà P yêu cầu được quản lý, sử dụng 1.470m² đất ruộng Đ, thuộc thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Nông Thị T cho rằng nguồn gốc khu ruộng Đ là của di Hoàng Thị K không lập gia đình lấy ông Hoàng Văn C3 về nuôi từ nhỏ, sau khi bà T kết hôn với ông C3, vợ chồng bà T sống cùng nhà với bà K, trước khi chết bà K có lập di chúc chia tài sản cho vợ chồng bà T bằng chữ nho trong đó có các thửa ruộng tại Đ đang tranh chấp.

Năm 1995 bà K chết, năm 1997 ba người em trai của ông C3 là ông T2, ông C2 và ông I đến nhà bà T hỏi mượn ruộng Đ để canh tác và được vợ chồng bà T đồng ý. Việc cho mượn ruộng không lập giấy tờ gì, không có ai làm chứng.

Bị đơn bà Nông Thị T không nhất trí với yêu cầu của bà Lưu Thị P trả lại mấy thửa ruộng Đ, vì: Nguồn gốc đất ruộng Đ thuộc thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là của ông Hoàng Văn S là anh trai bà Hoàng Thị K, sau khi ông S chết thì bà Hoàng Thị K quản lý, sử dụng; do đó đất ruộng Đ là của bà K, trước khi chết bà K lập di chúc cho vợ chồng bà T được thừa kế ruộng Đ.

Bà Hoàng Thị K là em gái ruột của mẹ đẻ các ông Hoàng Văn C3 (Chồng bà T) và Hoàng Văn I (chồng bà P), ông Hoàng Văn T2 và ông Hoàng Văn C2. Từ khi ông C3 còn nhỏ đã được bà K nhận làm con nuôi. Năm 1978 bà T và ông C3 kết hôn chung sống cùng nhà với bà K. Đến khoảng năm 1991 vợ chồng bà được bà K viết di chúc cho vợ chồng toàn bộ tài sản trong đó có đất ruộng Đ được xác định trong di chúc của bà K bao gồm mười thửa có diện tích 01 mẫu 4 sào 12 thước. Sau khi Hợp tác xã tan vào năm nào thì bà không nhớ rõ, nhưng bà và gia đình có được nhận lại ruộng Đ và canh tác được 01 năm thì không canh tác nữa do nhà ít người, bà K, các con bà T còn nhỏ. Năm 1995 bà Hoàng Thị K chết, đến năm 1997 ba người em trai của ông C3 là ông T2, ông C2 và ông I đến nhà bà T hỏi mượn ruộng Đ để canh tác và được vợ chồng bà đồng ý. Việc cho mượn ruộng không lập giấy tờ gì, không có ai làm chứng. Khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng Đ cho các ông T2, ông C3 và ông I, vợ chồng bà có biết nhưng không có ý kiến gì, vì vợ chồng bà thống nhất để cho các chú làm để các chú nộp thuế ruộng đất. Năm 2013 khi Nhà nước có chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì chồng bà có ý kiến không cho bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng Đ nữa, nhưng không được UBND xã xem xét giải quyết.

Năm 2014 ông C3 chồng bà T chết, ngày 02/4/2017 bà Lưu Thị P đã tiến hành san ủi 06 thửa ruộng tại Đ mà không hỏi ý kiến bà, bà chỉ cho vợ chồng bà P mượn ruộng để canh tác chứ không cho san ủi, vì vậy bà ngăn cản việc san ủi và yêu cầu bà P trả lại ruộng Đ cho bà. Còn đối với diện tích ruộng Đ vợ chồng bà đã cho ông Hoàng Văn T2 và ông Hoàng Văn C2 mượn bà chưa đòi lại ngay và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với ông T2, ông C2 trong vụ án này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị T1, chị Hoàng Thị D1 và chị Hoàng Thị B1 (là các con bà Lưu Thị P và ông Hoàng Văn I) trình bày:

Đất tranh chấp là của ông bà nội để lại cho bố mẹ các chị là ông Hoàng Văn I và bà Lưu Thị P gia đình canh tác, sử dụng liên tục. Các chị B, chị T, chị D1, chị B1 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lưu Thị P được quyền quản lý, sử dụng đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:

Anh Hoàng Văn D, anh Hoàng Văn C và anh Hoàng Văn C1 (con của bà Nông Thị T và ông Hoàng Văn C3) trình bày:

Đất tranh chấp là của bà di Hoàng Thị K để lại cho bố mẹ các anh. Việc ông I, bà P canh tác đất tranh chấp là do được ông C3, bà T cho mượn. Các anh D, C và anh C1 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nông Thị T có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp với bà P.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T2 và ông Hoàng Văn C2 trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ruộng Đ như bà Lưu Thị P trình bày là đúng. Ông T2, ông C2 đề nghị giải quyết cho bà Lưu Thị P có quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Còn đối với diện tích đất ruộng Đ mà ông T2 và ông C2 đang quản lý, sử dụng hiện tại chưa có tranh chấp nên các ông không có ý kiến, đề nghị gì.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 105; khoản 1, 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai. Điều 158, 159; 160; 161; 163; 164; 169; 221 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, 9 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quyết định:

1. Công nhận quyền quản lý và sử dụng hợp pháp cho bà Lưu Thị P đối với diện tích 1.470m² đất tranh chấp, tại khu ruộng Đ, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thuộc các thửa đất số 323 có diện tích 599m², thửa số 324 có diện tích 323m², thửa số 307 có diện tích 188m², thửa số 325 có diện tích 101m², thửa số 326 có diện tích 231m² và thửa số 336 có diện tích 28m², các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2012. Diện tích đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông có các cạnh tính từ điểm A đến điểm C có chiều dài cạnh là 23,53m + 6,35m + 33,12m, giáp đất ông Hoàng Văn C1 và ông Hoàng Văn C2.

- Phía Nam có các cạnh tính từ điểm C đến điểm E có chiều dài cạnh là 4,4m + 6,26m + 4,16m + 6,7m + 9,24m, giáp đất ông Hoàng Văn T2.

- Phía Tây có các cạnh tính từ điểm E đến điểm H có chiều dài cạnh là 11,21m + 42,76m, giáp bờ ruộng.

- Phía Bắc có các cạnh tính từ điểm H đến điểm A có chiều dài cạnh là 3,67m + 6,0m + 7,1m + 8,07m + 12,97m, giáp đất ông Trịnh Văn C4 và ông Nguyễn Văn P1 (*có sơ họa kèm theo*).

2. Buộc bị đơn bà Nông Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo phía bị đơn chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà Lưu Thị P thực hiện quyền của người sử dụng đất hợp pháp.

3. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nông Thị T phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả cho nguyên đơn bà Lưu Thị P đã tạm ứng trước. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định bà Nông Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cụ thể như sau: Yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu được sử dụng toàn

bộ diện tích đất đang tranh chấp với bà Lưu Thị P tại khu ruộng Đ, thôn B, xã, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nông Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo không có ý kiến bổ sung.

Bà Lưu Thị P, chị Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị T1, chị Hoàng Thị D1, chị Hoàng Thị B1, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nông Thị T. và ông Hoàng Văn T2 trình bày: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ruộng Đ như bà Lưu Thị P trình bày là đúng, mấy thửa ruộng hiện nay đang tranh chấp giữa bà P và bà T, trước năm 1993 ông T2 quản lý sử dụng, năm 1993 ông T2 và ông Hoàng Văn I chồng bà P tự đổi ruộng cho nhau, trước khi đổi các thửa ruộng trên, gia đình ông I canh tác toàn bộ diện tích thửa ruộng to (4 thửa 365, 347, 348, 349 bản đồ giải thửa số 28 xã T) nay là bản đồ địa chính xã T số 74 gộp thành 02 thửa (290, 291). Gia đình ông I quản lý sử dụng thửa 290 diện tích 1667m² và các thửa ruộng nhỏ trước kia ông T2 canh tác (theo bản đồ số 28 là các thửa 429, 400, 407, 408, 409). Theo bản đồ địa chính số 74 mới hiện nay đổi thành các thửa 323, diện tích 599m²; thửa 324, diện tích 323m²; thửa 307, diện tích 188m²; thửa 325, diện tích 101m²; thửa 326, diện tích 231m², thửa 336 quá nhỏ không thể hiện diện tích, hiện nay Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận các thửa đất trên cho hộ bà Lưu Thị P.

Gia đình ông T2 quản lý, sử dụng thửa 291, diện tích 1527m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 355158, số vào sổ cấp GCN: CH01270 ngày 25/3/2014. Việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P là đúng, ông T2 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho bà P và buộc bà T chấm dứt hành vi tranh chấp vì bà T chưa bao giờ sử dụng diện tích đất đang tranh chấp bao giờ, bà T được thừa kế đất ruộng Đ thật nhưng là các thửa ruộng khác không liên quan đến diện tích đất tranh chấp này, Việc UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P ông nhất trí không có ý kiến gì.

Ý kiến trình bày của ông Hoàng Văn C2 về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất ruộng Đ như bà Lưu Thị P trình bày là đúng, bà T chưa bao giờ canh tác những thửa ruộng đang tranh chấp này. Ông C2 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lưu Thị P được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Đối với diện tích đất ruộng Đ mà ông T2 và ông C2 đang quản lý, sử dụng hiện tại chưa có tranh chấp nên các ông không có ý kiến, đề nghị gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục, phạm vi, thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo quy định của Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 58 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Bà Nông Thị T kháng cáo quá hạn luật định được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn chấp nhận tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 02/2017/QĐ-PT ngày 25/12/ 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng

Son lý do chấp nhận việc kháng cáo quá hạn do bà Nông Thị T bị ốm, bản thân bà không biết chữ và không biết đi xe máy; phải chờ con bà thu xếp công việc mới đưa bà ra Tòa án nộp đơn kháng cáo được; kháng cáo quá hạn của bà Nông Thị T là hợp lệ được Tòa án chấp nhận.

- Về nội dung vụ án: Nguồn gốc đất tranh chấp bà Lưu Thị P khai nhận: Đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn M và bà Hà Thị E (bố mẹ chồng bà Lưu Thị P). Về quá trình sử dụng: Ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị E cho con trai Hoàng Văn I quản lý sử dụng các thửa đất từ năm 1989, năm 1991 bà Lưu Thị P kết hôn với ông Hoàng Văn I thì vợ chồng ông I, bà P quản lý sử dụng các thửa ruộng tại địa danh Đ, thôn B, xã T, huyện L gồm 06 thửa ruộng gồm các thửa 323, diện tích 599m², thửa 324 diện tích 323m², thửa 307 diện tích 188m², thửa 325 diện tích 101m², thửa 326 diện tích 231m², thửa 336 diện tích 28m² thuộc tờ bản đồ 74 bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/3/2014 cho bà Lưu Thị P.

Trong suốt thời gian vợ chồng bà P quản lý sử dụng diện tích các thửa đất trên bị đơn bà Nông Thị T không có ý kiến gì về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Tháng 4 năm 2017 khi gia đình bà P san ủi 06 thửa ruộng tại Đ dồn thành 1 thửa thì mới xảy ra tranh chấp; bà T cho rằng diện tích đất tranh chấp tại Đ là của bà dì Hoàng Thị K cho vợ chồng bà được thừa kế từ năm 1991, bà T có nộp cho Tòa án một bản di chúc phôi tô được viết bằng bằng chữ nho có bản dịch kèm theo, di chúc không có ngày tháng năm, không có người làm chứng, người viết hộ di chúc cũng đã chết nên không có cơ sở để xác định di chúc là hợp pháp, không có cơ sở xác định đất tranh chấp là của vợ chồng bà T được thừa kế. Bà cho rằng vợ chồng bà được thừa kế mười thửa ruộng Đ có diện tích 01 mẫu 4 sào 12 thước, do gia đình bà ít người không canh tác được, năm 1997 ba người em trai của ông C3 là các ông T2, C2 và ông I đến nhà bà hỏi mượn ruộng để canh tác vợ chồng bà đồng ý cho ông T2, ông C2 và ông I mượn ruộng Đ nhưng không lập giấy tờ gì cũng không có ai làm chứng.

Bà T cho rằng vợ chồng bà cũng biết Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng Đ cho các ông T2, C2 và ông I nhưng vợ chồng bà thống nhất cho các chú nộp thuế nên không có ý kiến gì. Năm 2017, bà P san ủi các thửa ruộng trên nên mới xảy ra tranh chấp bà chỉ cho mượn ruộng chứ không cho san ủi. Tại phiên tòa hôm nay bà T cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp; yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận vì không có căn cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nông Thị T vì không có căn cứ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc đất: Đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn M và bà Hà Thị E (bố mẹ đẻ ông Hoàng Văn I chồng bà Lưu Thị P) cho con trai là Hoàng Văn T2, quản lý sử dụng, năm 1994 ông Hoàng Văn T2 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P ông I quản lý sử dụng 06 thửa ruộng tại địa danh Đ, thôn B, xã T, huyện L từ năm 1993 sau khi đổi với ông Hoàng Văn T2 đến nay gồm các thửa ruộng sau: Thửa 323, diện tích 599m², thửa 324 diện tích 323m², thửa 307 diện tích 188m², thửa 325 diện tích 101m², thửa 326 diện tích 231m², thửa 336 diện tích 28m² thuộc tờ bản đồ 74 Bản đồ địa chính xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 25/3/2014 bà Lưu Thị P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi với các thửa đất trên đến năm 2017 bà P tiến hành san ủi 06 thửa ruộng trên thành 01 thửa để tiện canh tác vì diện tích các thửa rất nhỏ; bà Nông Thị T đến ngăn cản không cho bà san ủi mới xảy ra tranh chấp.

[3] Tại công văn số 1019/UBND-TNMT ngày 12/9/2017 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Lưu Thị P tại các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà như trên thuộc địa danh Đ, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm tại cấp phúc thẩm, tại công văn số 452/UBND-TNMT ngày 15/5/2018 của UBND huyện L phúc đáp công văn số 146/CV-TDS ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Lưu Thị P như sau: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 355027, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01148 ngày 25/3/2014 là cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án. Diện tích 06 thửa đất đang tranh chấp (theo bản đồ giải thửa xã T số 27 là các thửa số 409, diện tích 504m², thửa 408, diện tích 286m², thửa 407, diện tích 256m², thửa 400, diện tích 240m², thửa 429, diện tích 24m²) Nay theo bản đồ địa chính xã T số 74 hiện nay là (các thửa 323, diện tích 599m², thửa 324 diện tích 323m², thửa 307 diện tích 188m², thửa 325 diện tích 101m², thửa 326 diện tích 231m², thửa 336 diện tích 28m² hiện nay đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lưu Thị P. *(Thửa 409 tương ứng với thửa 323, thửa 408 tương ứng với thửa 324, thửa 407 tương ứng với thửa 307 và thửa 325, thửa 400 tương ứng với thửa 326, thửa 429 tương ứng với thửa 336).*

[5] UBND huyện L xác định nguồn gốc các thửa đất số 409, 408, 407, 400, 429, tờ bản đồ 28, bản đồ giải thửa 299 xã T đang tranh chấp trước kia là của hộ ông Hoàng Văn T2 quản lý và sử dụng. Về quá trình biến động của các thửa đất

đang tranh chấp này đã được gia đình ông Hoàng Văn T2 chuyển đổi quyền sử dụng đất với gia đình ông Hoàng Văn I (chồng bà Lưu Thị P tại các thửa 347, 365 tờ bản đồ 28, bản đồ giải thửa xã T).

[6] Trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 06 thửa đất tranh chấp cho là Lưu Thị P, thì UBND huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Hoàng Văn T2 (anh trai ông Hoàng Văn I), thôn B, xã T, huyện L. UBND huyện L khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 355027, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01148 ngày 25/3/2014 tại các thửa đất trên thuộc địa danh Đ, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho bà Lưu Thị P là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự, thủ tục quy định bà P đã quản lý sử dụng ổn định lâu dài.

[7] Tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Văn T2 công nhận việc ông T2 và ông I chồng bà P tự đổi ruộng cho nhau từ năm 1993, trước khi chưa đổi ruộng thì gia đình ông I canh tác toàn bộ diện tích thửa ruộng to (4 thửa 365, 347, 348, 349 tờ bản đồ giải thửa số 28) nay bản đồ địa chính mới số 74 gộp thành 02 thửa (290, 291). Ông Tiến canh tác các thửa ruộng nhỏ hiện đang tranh chấp (Nay là các thửa 429, 400, 407, 408, 409 tờ bản đồ số 28 bản đồ địa chính xã T). nay đổi thành các thửa 323, diện tích 599m²; thửa 324, diện tích 323m²; thửa 307, diện tích 188m²; thửa 325, diện tích 101m²; thửa 326, diện tích 231m², thửa 336 diện tích 28 m² tờ bản đồ địa chính số 74 xã T, hiện nay Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận các thửa đất này cho hộ bà Lưu Thị P. Đối với diện tích đất ruộng Đ mà ông T2 và ông C2 đang quản lý, sử dụng hiện tại chưa có tranh chấp nên các ông T2 và ông C2 không có ý kiến, đề nghị gì.

[8] Thực tế hai bên đương sự đều thừa nhận gia đình bà Lưu Thị P đã quản lý, sử dụng ổn định diện tích đất tranh chấp từ năm 1993 cho đến nay. Bà Lưu Thị P đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên, gia đình bà Nông Thị T biết bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 nhưng không có ý kiến gì. Đến ngày 02/4/2017 bà Lưu Thị P san ủi 06 thửa ruộng tại Đ mới xảy ra tranh chấp.

[9] Việc bà Nông Thị T trình bày: Diện tích 06 thửa ruộng tại Đ đang tranh chấp hiện nay thuộc quyền sở hữu, sử dụng của gia đình bà T; nguồn gốc đất ruộng Đ đang tranh chấp là của bà dì Hoàng Thị K là em gái ruột bà Hoàng Thị E (mẹ chồng bà T); Năm 1991 bà dì Hoàng Thị K lập di chúc cho vợ chồng bà được thừa kế những thửa ruộng tại Đ, vợ chồng bà có quản lý, sử dụng các thửa ruộng trên khoảng 01 năm do nhà ít người không canh tác được do đó năm 1997, vợ chồng bà đồng ý cho ông Hoàng Văn I (em trai ruột ông C3 chồng bà) có vợ là Lưu Thị P mượn ruộng để canh tác nhưng không lập giấy tờ gì. Ngoài lời trình bày trên của bà T không có căn cứ khác chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà T có xuất trình 01 bản di chúc được viết bằng chữ Trung Quốc vào khoảng năm 1991 theo bà T trình bày, nội dung bản di chúc để lại tài sản là đất ruộng Đ, thuộc thôn B, xã T cho vợ chồng bà Nông Thị T (chồng là Hoàng Văn C3) thừa kế.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy; Bản di chúc của bà Hoàng Thị K được viết bằng chữ Trung Quốc không thể hiện rõ năm cụ thể, không có người làm chứng, người viết hộ di chúc đã chết, nội dung di chúc chia các thửa ruộng không cụ thể tại các thửa nào ghi chung chung, hình thức di chúc không phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn bà Nông Thị T không cung cấp được gia phả dòng họ, các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh việc bà Hoàng Thị K được hưởng tài sản thừa kế của ông Hoàng Văn S đối với đất ruộng Đ. Căn cứ vào điểm 1 mục II Nghị quyết 02/ NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số ruộng bà Hoàng Thị K không phải là di sản thừa kế. Trên thực tế gia đình bà T không trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất ruộng hiện đang tranh chấp tại Đ, thôn B, xã T, huyện L. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay bà T cũng không chứng minh được việc vợ chồng ông I, bà P cũng như ông Hoàng Văn C2, ông Hoàng Văn T2 mượn ruộng Đ của bà để canh tác. Do đó không có căn cứ chứng minh đất tranh chấp là của gia đình bà T. Thực tế diện tích đất ruộng đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lưu Thị P. Việc cấp sơ thẩm quyết định công nhận quyền quản lý và sử dụng hợp pháp cho bà Lưu Thị P đối với diện tích đất tranh chấp là 1.470m² tại khu ruộng Đ, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quản lý, sử dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, các bên đương sự không thỏa thuận được nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Cấp sơ thẩm buộc bà Nông Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Số tiền chi phí bà Lưu Thị P đã nộp để chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 3.000.000 đồng đã chi phí. Nay bà Nông Thị T phải hoàn trả số tiền cho bà P đã nộp chi phí là: 3.000.000 đồng.

[12] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nông Thị T; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nông Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 101, Điều 66, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn một số điều Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, 169, 185, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Thị T vì không có căn cứ; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị P cụ thể:

Bà Lưu Thị P được quyền quản lý và sử dụng đối với diện tích 1.470m² đất tranh chấp, tại khu ruộng Đ, thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc các thửa đất số 323, diện tích 599m²; thửa số 324, diện tích 323m²; thửa số 307, diện tích 188m²; thửa số 325, diện tích 101m²; thửa số 326, diện tích 231m² và thửa số 336, diện tích 28m² các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 74, bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2012; các thửa đất bà Lưu Thị P đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 355027 ngày 25/3/2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 355028 ngày 25/3/2014, có kích thước, vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn C1 và ông Hoàng Văn C2, có các cạnh tính từ điểm A đến điểm C có chiều dài cạnh là 23,53m + 6,35m + 33,12m.

Phía Tây giáp bờ ruộng, có các cạnh tính từ điểm E đến điểm H có chiều dài cạnh là 11,21m + 42,76m.

Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn T2, có các cạnh tính từ điểm C đến điểm E có chiều dài cạnh là 4,4m + 6,26m + 4,16m + 6,7m + 9,24m.

Phía Bắc giáp đất ông Trịnh Văn C4 và ông Nguyễn Văn P1, có các cạnh tính từ điểm H đến điểm A có chiều dài cạnh là 3,67m + 6,0m + 7,1m + 8,07m + 12,97m, (có sơ họa kèm theo).

2. Buộc bị đơn bà Nông Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo phía bị đơn chấm dứt hành vi cản trở gia đình bà Lưu Thị P thực hiện quyền của người sử dụng đất hợp pháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Nông Thị T phải trả cho bà Lưu Thị P 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bà Lưu Thị P có đơn yêu cầu thi hành bản án, nếu bà Nông Thị T chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho bà Lưu Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2012/01079 ngày 12/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Nông Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Nông Thị T đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/01128 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/5/2018).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái